

Bản án số: 12/2025/ST-HNGĐ
Ngày 19 tháng 02 năm 2025
“V/v: Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng
Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thúy Hằng và bà Đặng Huyền Sâm.
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- * **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Quốc H** – Sinh năm: 1969
Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).
- * **Bị đơn:** Chị **Trần Thị H** – Sinh năm: 1972
Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt không có lý do.
- * **Người làm chứng:** Anh **Trần Văn L** – Sinh năm: 1975
Trú tại: Thôn 6, xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc H vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quốc H trình bày:*

Anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 02 con chung là Nguyễn Quốc Huy – Sinh ngày: 02/8/1993 (Đã chết năm 2014 do tai nạn giao thông) và Nguyễn Thị Hồng Nhung – Sinh ngày: 28/8/2002. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên bất

hòa, cãi vã nên không có hạnh phúc. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị Trần Thị H.

Về con chung: Có 02 con chung là: Nguyễn Quốc Huy – Sinh ngày: 02/8/1993 (Đã chết năm 2014 do tai nạn giao thông) và Nguyễn Thị Hồng Nhung – Sinh ngày: 28/8/2002, hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, bị đơn chị Trần Thị H vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có ý kiến:* Hiện Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H với chị H, tuy nhiên chị H không đồng ý ly hôn với anh H vì lý do chị H còn yêu anh H và các con. Theo chị H nghĩ, chị H và anh H sống với nhau, tự nguyện đến và tự nguyện đi. Do con trai là Nguyễn Quốc Huy bị tai nạn chết ở thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương nên chị H rất đau lòng. Vì vậy anh H đi kiếm con trai để nối dõi tông đường và có quen biết chị Đặng Thị Loan, chị H biết nhưng không nói gì. Sau 04 năm, chị H và anh H chưa ly hôn nhưng anh H lại có quan hệ tình cảm với người khác, chị H không oán trách. Do nỗi đau mất con trai, lại mất chồng nên chị H không muốn ly hôn vì đang còn con gái là Nguyễn Thị Hồng Nhung, chị H phải sống để đi làm ăn chăm con vì con gái là niềm vui của chị. Hiện giờ anh H đề nghị ly hôn thì chị H rất đau buồn, vì lý do chị H và anh H chung sống từ năm 1991 đến năm 2025 là 34 năm, chị H anh H không có giấy kết hôn mà chị H khi đó mới 19 tuổi, cho đến nay là 54 tuổi. Việc ly hôn chị H hoàn toàn không ký, không nhất trí ly hôn, bản thân chị H mong muốn hàn gắn với anh H.

- *Tại phiên tòa, người làm chứng anh Trần Văn L vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh Lý trình bày:*

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua anh Trần Văn L, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Trần Thị H. Anh Trần Văn L đã nhận và cam đoan giao lại cho chị H, anh Lý đã chụp ảnh các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị H và gửi qua mạng xã hội Zalo cho chị H biết, tuy nhiên anh Lý từ chối ký biên bản giao nhận với lý do để ngày 20/12/2024 âm lịch chị H về và sẽ trực tiếp đến Tòa án làm việc. Tòa án đã lập biên bản về việc người làm chứng anh Trần Văn L không ký biên bản để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- *Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị H; Về án phí: Anh Nguyễn Quốc H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án “Ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quốc H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Bị đơn chị Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy việc anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 đến nay, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình là có thật.

Sau khi chung sống như vợ chồng và sinh được 02 con chung, mặc dù anh H và chị H có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng anh H và chị H vẫn không đăng ký kết hôn. Vì vậy, giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị H không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống với nhau, anh H và chị H đã sinh được 2 con chung, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nên anh H yêu cầu ly hôn với chị H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không đồng ý ly hôn với anh H vì chị H cho rằng đang còn yêu anh H và mong muốn hàn gắn với anh H. Tuy nhiên, chị H không có thiện chí gặp anh H để bàn bạc và không phối hợp với Tòa án để giải quyết.

Hơn nữa, do anh H và chị H không đăng ký kết hôn, hiện tại không chung sống với nhau, nay anh H yêu cầu giải quyết ly hôn. Nên cần áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị H là có căn cứ.

[2.2]. *Về nuôi con chung*: Vợ chồng anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị H có 02 con chung là Nguyễn Quốc Huy – Sinh ngày: 02/8/1993 (Đã chết năm 2014) và Nguyễn Thị Hồng Nhung – Sinh ngày: 28/8/2002, hiện nay đã trưởng thành có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ*: Anh Nguyễn Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Quốc H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 238; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

Tuyên xử:

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Quốc H và chị Trần Thị H.

- ***Về án phí***: Anh Nguyễn Quốc H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0007957 ngày 07/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- ***Về quyền kháng cáo***: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện A;
- CC THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

